

NHÌN LẠI QUAN HỆ XÔ - VIỆT THỜI KỲ 1945-1975

NGUYỄN NGỌC MÃO*
VŨ THỊ HỒNG CHUYÊN**

Đã có nhiều công trình, bài viết đề cập đến những khía cạnh khác nhau về quan hệ Xô - Việt nói chung, thời kỳ 1945-1975 nói riêng. Nhưng người đọc, nhất là các độc giả Việt Nam vẫn chưa thật thỏa mãn với những kết quả nghiên cứu đã đạt được. Bởi vì, hầu hết các tác giả, nhất là các tác giả Xô Viết mới chỉ dừng lại ở sự giúp đỡ hào hiệp và hiệu quả to lớn của nó đối với cách mạng Việt Nam, ở tình hữu nghị giữa hai nước xã hội chủ nghĩa anh em, chứ chưa làm rõ được vị trí và vai trò của Việt Nam đối với Liên Xô.

Từ ý nghĩa đó, bài viết này muốn góp thêm một nét nhằm làm sáng rõ thêm mối quan hệ Xô - Việt thời kỳ 1945-1975, thời kỳ có thể nói đã để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam nói chung, trong quan hệ Xô - Việt nói riêng.

Có thể nói, từ rất sớm, từ cuối thế kỷ XIX, những người thủy thủ Nga đã đem những bức thông điệp của tình hữu nghị đầu tiên đến với Việt Nam. Kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, mối quan hệ Xô - Việt mới dần được hình thành.

Ngày 2-9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Chỉ 20 ngày sau, ngày 22-

9-1945, tiếp đó là ngày 21-10-1945, với tư cách lãnh tụ một quốc gia độc lập, Hồ Chí Minh đã gửi Đại Nguyên soái Xtalin hai bức công điện thông báo với Chính phủ Liên Xô về việc Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thành lập trên cơ sở giành lại nền độc lập từ tay Nhật, nhưng Pháp đã coi thường những nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương và quay trở lại xâm chiếm Việt Nam; đồng thời kêu gọi sự ủng hộ của Liên Xô (1).

Rất tiếc, những bước công điện này không được trả lời. Sự im lặng đó chỉ có thể giải thích bởi những nguyên nhân sâu xa được bắt nguồn từ lợi ích chiến lược của Liên Xô.

Sau Chiến tranh thế giới thứ II, trật tự thế giới mới - trật tự hai cực Ianta được hình thành, trên cơ sở lợi ích của các cường quốc với hai hệ thống đối lập nhau do hai siêu cường đứng đầu là Liên Xô và Mỹ. Trật tự thế giới hai cực Xô - Mỹ đã ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ mối quan hệ quốc tế lôi cuốn các khu vực, các quốc gia phát triển theo xu hướng có lợi cho mỗi cực. Bởi vậy, mối quan tâm lớn nhất của Liên Xô những năm đầu sau chiến tranh là viện trợ, giúp đỡ các nước dân chủ nhân dân

* TS. Viện Sử học.

** Th.S. Hải Phòng

Đông Âu, củng cố vành đai phía Tây, nơi gắn liền với lợi ích sống còn của Liên Xô và cũng là nơi đối đầu trực tiếp với các thế lực đế quốc. Còn khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, xét về địa-chính trị, quá xa đối với lợi ích của Liên Xô. Hơn nữa, theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta (2-1945) và Hội nghị Pôxdam (7-1945), Việt Nam và Đông Dương vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước đế quốc phương Tây. Lúc này, vì muốn tranh thủ Pháp, Liên Xô đang ủng hộ chính phủ Đờgôn và không muốn đụng chạm đến quyền lợi của Pháp ở Việt Nam.

Chỉ đến khi cục diện trên chiến trường Việt Nam (từ năm 1947) có những thay đổi căn bản có lợi cho cách mạng, tình hình thế giới hết sức thuận lợi, nhất là thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949, cùng với chính sách đối ngoại chủ động của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì Việt Nam mới trở thành mối quan tâm lớn của các cường quốc, các nước, trong đó có lợi ích chiến lược của Liên Xô. Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi đồng tình với quan điểm của Tiến sĩ Anatoli Xôkôlov, nhà nghiên cứu về Việt Nam, người Nga cho rằng: "Tín hiệu đầu tiên về những thay đổi đường lối của Liên Xô đối với Đông Dương là phát biểu của nhà hoạt động Nhà nước và Đảng Cộng sản Liên Xô A. Zdannốp tại Hội nghị đại diện các Đảng Cộng sản các nước châu Âu tại Ba Lan năm 1947. Trong bài diễn văn đó, đã bày tỏ sự ủng hộ kiên quyết và dứt khoát cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương" (2).

Quả vậy, chỉ trong tháng 1 và tháng 2-1950, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 30-1-1950, Liên Xô và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

Quan hệ giữa hai nước bước sang một trang sử mới.

Giai đoạn từ 1950 đến 1954, Việt Nam ngày càng giành được thế chủ động và những thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã tác động đến lợi ích chiến lược của Liên Xô.

Thời gian này, sự đối đầu giữa hai cực Xô - Mỹ càng trở nên gay gắt được đánh dấu bằng chiến tranh cục bộ Triều Tiên (1950-1953) và hàng loạt sự kiện quan trọng trong quan hệ quốc tế. Cùng với việc củng cố địa vị của mình ở Tây Âu, Mỹ đã xác lập những căn cứ và liên minh quân sự bao quanh châu Á - Thái Bình Dương nhằm ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản đang phát triển ở châu Á. Đây là lúc Liên Xô có nhu cầu bức thiết, vừa phải củng cố nội lực vừa phải củng cố an ninh quốc phòng cho các đồng minh ở Đông Âu để bảo vệ an ninh vành đai phía Tây. Tuy nhiên, trước việc Mỹ mở rộng ảnh hưởng của mình ở châu Á, Liên Xô buộc phải cân nhắc, nhất là những diễn biến của phong trào cách mạng ở Đông Dương và sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ. Đây cũng là thời điểm khi "chiến tranh lạnh" lên đến đỉnh cao (1953-1954), xuất hiện xu thế hòa hoãn giữa các cường quốc để giải quyết những vấn đề quốc tế, trong đó có vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Tình hình trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ Xô - Việt. Một mặt, vì lợi ích chiến lược, Liên Xô muốn tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề Đông Dương, mặt khác vẫn ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.

Từ ý nghĩa đó, Liên Xô phối hợp với Việt Nam và các nước dân chủ nhân dân tuyên truyền, từng bước nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đề cao cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với

tư cách là Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc, tháng 2-1952, Liên Xô phủ định đề nghị của chính quyền Bảo Đại xin gia nhập tổ chức này. Vào tháng 9-1952, tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng Bảo an, đại diện chính phủ Liên Xô đã kiến nghị, xét đơn và kết nạp Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào Liên Hiệp quốc. Tuy nhiên, đề nghị của Liên Xô đã bị Pháp, Mỹ, Anh phản đối và phủ quyết. Mặt khác, ngày 4-8-1953, Liên Xô gửi công hàm cho Anh, Pháp, Mỹ đề nghị triệu tập Hội nghị 5 nước lớn: Liên Xô, Pháp, Anh, Mỹ và Trung Quốc để tìm cách làm giảm bớt tình hình căng thẳng ở Viễn Đông và Đông Dương.

Liên Xô cũng đã viện trợ kịp thời quân sự cho Việt Nam toàn bộ pháo cao xạ gồm 76 khẩu 37 ly, 12 dàn hỏa tiễn H6 (Cachiusa), toàn bộ số tiểu liên K50, 685 xe vận tải và số lượng lớn thuốc ký ninh (3). Tuy số viện trợ này không phải nhiều (thời gian này Việt Nam nhận viện trợ chủ yếu từ Trung Quốc), nhưng đây là những mặt hàng quân sự chiến lược có tính dã chiến tấn công cao, uy lực mạnh. Đặc biệt việc sử dụng Cachiusa đã làm cho quân Pháp hoảng sợ, gây tâm lý hoang mang cho chúng.

Đồng thời, từ năm 1951, Liên Xô đã tiếp nhận sinh viên, thực tập sinh và nghiên cứu sinh Việt Nam. Cho đến năm 1953, số lượng người Việt Nam học tập tại Liên Xô đã lên đến trên 200 người (4). Trong diện ảnh, đáng chú ý nhất là hai nhà điện ảnh người Nga Karmen và Buagimov, là những người đã quay những thước phim lịch sử đầu tiên về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam. Nhờ đó, không những thế giới biết và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam mà còn góp phần đặt nền tảng cho ngành điện ảnh nước nhà ra đời.

Về phía Việt Nam, sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sang thăm không chính thức Liên Xô vào tháng 2-1950, và chính thức dự Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XIX vào tháng 10-1952. Trong các cuộc tiếp xúc với các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô Viết, phía Liên Xô hiểu rõ hơn những diễn biến của cách mạng Việt Nam và hứa sẽ phối hợp với Trung Quốc đẩy nhanh sự viện trợ cho Việt Nam. Trong nước, Việt Nam tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm tuyên truyền tính ưu việt của chế độ Xô Viết... Trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam luôn luôn đứng về phía Liên Xô đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Có thể nói, quan hệ Xô - Việt giai đoạn 1950-1954 phát triển thuận lợi. Với sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân đã góp phần đẩy nhanh thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và ký Hiệp nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Điều đó đã đáp ứng được lợi ích của Liên Xô và chủ trương hòa dịu, tránh đụng đũa với Mỹ để chuẩn bị đi vào hòa hoãn với Mỹ. Điều đó cũng đúng với chủ trương của Liên Xô là đáp ứng ý đồ của Pháp đang muốn sớm có đình chiến để tranh thủ Pháp gạt bỏ Hiệp ước cộng đồng phòng thủ châu Âu. Hơn nữa, với Liên Xô, có nền hòa bình thì chiến lược ổn định vùng Viễn Đông của Liên Xô mới thực hiện được. Như vậy, Liên Xô mới có điều kiện tập trung cho khu vực Đông Âu, nơi sống còn của chế độ Xô Viết.

Tuy nhiên, Hiệp nghị Giơnevơ chưa phản ánh đúng tương quan lực lượng trên chiến trường, còn có chỗ hạn chế "đó là kết quả của sự đồng ý ngầm giữa các bên muốn thương lượng" (5) đã làm phương hại đến lợi ích của nhân dân Đông Dương.

Giai đoạn 1955-1964, lợi ích của Liên Xô và Mỹ tiếp tục chi phối mạnh mẽ xu hướng phát triển của thế giới. Cả Liên Xô và Mỹ đều muốn giành lợi thế về quân sự dẫn đến khủng hoảng hạt nhân tháng 10-1962 ở vùng biển Caribê (Cuba). Cả Liên Xô và Mỹ đều muốn áp đặt các đồng minh phục vụ lợi ích riêng của mình. Vì vậy, các đồng minh Mỹ nhất là Pháp, ngày càng có xu hướng độc lập và không muốn phụ thuộc vào Mỹ. Trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã bộc lộ những rạn nứt, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với Liên Xô. Bên cạnh sự phát triển chưa từng có của phong trào độc lập dân tộc, xuất hiện xu hướng hòa bình trung lập và liên kết nhằm tập hợp lực lượng trong các nước thế giới thứ Ba đấu tranh cho một thế giới công bằng tránh sự lôi kéo của hai cực Xô - Mỹ.

Trước thực trạng trên, bên cạnh chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang, Mỹ và Liên Xô muốn duy trì hiện trạng chính trị thế giới sau chiến tranh bằng cách đi vào hòa hoãn, nhân nhượng nhau để giải quyết những vấn đề quốc tế.

Mục đích chính sách đối ngoại của Liên Xô là đẩy nhanh hòa hoãn với Mỹ kể cả chấp nhận những điều kiện của Mỹ để Mỹ và đồng minh của Mỹ công nhận nguyên trạng châu Âu sau chiến tranh.

Quan điểm này của Liên Xô cũng thể hiện rõ trong quan hệ với Việt Nam. Vì sợ chiến tranh Việt Nam gây đối đầu Xô - Mỹ, ảnh hưởng đến tiến trình hòa hoãn, Liên Xô đã khuyên Việt Nam tránh đấu tranh vũ trang, chỉ đấu tranh bằng phương pháp hòa bình thông qua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành kiểu mẫu của chủ nghĩa xã hội để từ đó tác động vào quá trình diễn biến cách mạng miền Nam. Liên Xô đã không tán thành với đường lối cách

mạng Việt Nam được thể hiện ở Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1-1959, ở Đại hội III Đảng Lao động Việt Nam (12-1960), ở sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (12-1960), đặc biệt là ở Nghị quyết 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III tháng 12-1963 với chủ trương phải thắng Mỹ trong "chiến tranh đặc biệt" và chống chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Chính vì vậy, "các nhà lãnh đạo Xô Viết đã không thỏa mãn với lập trường của Hà Nội. Khờ rúng đã cho phía Việt Nam hiểu rằng sẽ không có triển vọng cho việc hợp tác chặt chẽ giữa hai nước nếu Hà Nội không thay đổi lập trường của họ" (6).

Tuy với tư cách là đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ, Liên Xô đã phản ứng một cách dè dặt trước những hành động phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ của Mỹ - Diệm. Để xoa dịu tình hình, thậm chí Liên Xô đã đưa ra đề nghị kết nạp cả miền Bắc và miền Nam vào Liên Hiệp Quốc như hai quốc gia riêng biệt vào năm 1957.

Ngày 2-8-1964, Mỹ dựng lên cái gọi là sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" để lấy cớ phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Ngày 5-8-1964, Mỹ tiến hành ném bom, bắn phá lãnh thổ miền Bắc với quy mô rộng. Liên Xô đã có những phản ứng rất thận trọng. Trong các ngày 6, 8-8-1964 và 27-11-1964, Hãng Thông tấn Liên Xô (TACC) đã ra tuyên bố, nhưng chỉ lên án hành động của Mỹ và cảnh báo những hậu quả sẽ xảy ra (7), chứ không nói rõ giúp Việt Nam tự vệ. Hơn nữa, đứng về mặt nhà nước, Liên Xô đã không đưa ra tuyên bố mà chỉ có Hãng Thông tấn ra tuyên bố. Đồng thời, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Grômucô gửi thư cho Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khước từ vai trò đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ.

Để đảm bảo lợi ích chiến lược của mình, Liên Xô đã tranh thủ những nước lớn ở châu Á có vai trò quan trọng trong tương quan lực lượng giữa Xô - Mỹ - Trung, nhất là trong bối cảnh quan hệ Xô - Trung ngày càng căng thẳng và Trung Quốc đang ráo riết tập hợp lực lượng để chống lại Liên Xô. Với ý nghĩa đó, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô Khrushchốp đã hai lần sang Indônêxia và Ấn Độ trong khi không nhận lời mời sang Việt Nam.

Có thể nói, quan hệ chính trị Xô - Việt từ năm 1955 đến 1964 đã không được bằng phẳng. Đường lối cách mạng Việt Nam đã không đáp ứng được đòi hỏi mà chính sách hòa hoãn của Liên Xô dưới thời Bí thư thứ nhất Khrushchốp yêu cầu. Bởi vậy, sự viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam còn hạn chế.

Tính ra, Liên Xô đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam trên 400 triệu rúp và cho Việt Nam vay với những điều kiện ưu đãi khoảng trên 430 triệu rúp (8) để giúp Việt Nam khôi phục và phát triển kinh tế. Đồng thời, một đội ngũ đông đảo chuyên gia Liên Xô làm việc ở những lĩnh vực khác nhau đã góp phần tích cực vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế đất nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, cần phải nói thêm rằng, giai đoạn này, Việt Nam nhận viện trợ chủ yếu từ Trung Quốc. Hơn nữa, số viện trợ Liên Xô dành cho Việt Nam chỉ ở chừng mực nhất định nếu so với số viện trợ Liên Xô dành cho Ấn Độ và Indônêxia là 1,5 tỷ rúp và 367,5 triệu rúp (9). Quan điểm của Liên Xô muốn giữ nguyên hiện trạng hai miền Nam, Bắc. Vì vậy, Liên Xô chỉ viện trợ cho Việt Nam đủ để xây dựng cơ sở vật chất và đủ để phòng thủ miền Bắc trong đó Liên Xô đã nhận đào tạo hàng ngàn lưu học sinh Việt Nam. Đây là lực lượng trí thức quan trọng đã phát huy tác dụng tích cực cho sự nghiệp đấu tranh giải

phóng dân tộc và phát triển kinh tế đất nước.

Như vậy, quan hệ Xô - Việt giai đoạn này đã gặp phải trở ngại về bất đồng quan điểm giữa hai nước. Song, đây cũng là giai đoạn Việt Nam kiên quyết đấu tranh về quan điểm với Ban lãnh đạo Khrushchốp, chống lại chủ nghĩa xét lại hiện đại, cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa các nước xã hội chủ nghĩa và trong Phong trào Cộng sản và Công nhân Quốc tế, tuyệt đối không bị lôi kéo vào quỹ đạo Xô - Mỹ, Xô - Trung. Đồng thời, Việt Nam luôn luôn quý trọng những gì Đảng Cộng sản và nhân dân Liên Xô dành cho trong sự nghiệp cách mạng, không ngừng phấn đấu để bảo vệ Đảng Cộng sản Liên Xô, bảo vệ tình hữu nghị giữa hai nước.

Xuất phát từ mục đích đó, trong khoảng từ năm 1955 đến năm 1964, có khoảng 10 đoàn đại biểu cấp cao của Việt Nam sang thăm và làm việc với Liên Xô, và hàng loạt các hoạt động quốc tế khác của Việt Nam. Điều đó đã góp phần làm chuyển biến nhận thức của Liên Xô đối với thế giới đương đại nói chung, đối với đường lối cách mạng của Việt Nam nói riêng.

Từ năm 1965 đến năm 1975, quan hệ Xô - Việt bước sang giai đoạn phát triển mới về chất.

Bối cảnh quốc tế ngày càng có những diễn biến mới trong đó có nhiều sự kiện quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ Xô - Việt. Cuộc chiến tranh do Mỹ phát động ở Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt và thu hút sự quan tâm của cả nhân loại. Vấn đề Việt Nam thực sự trở thành trung tâm chính trị quốc tế liên quan trực tiếp đến lợi ích của Liên Xô, Mỹ và Trung Quốc. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố với nhịp độ tăng trưởng và ổn định. Phong trào Không liên

kết trở thành lực lượng đáng kể trong quan hệ quốc tế. Mậu thuẫn Xô - Trung trở thành thù địch, được đánh dấu bằng cuộc đụng độ quân sự biên giới giữa hai bên vào năm 1969. Tây Âu và Nhật Bản trở thành những trung tâm kinh tế-tài chính cạnh tranh với Mỹ. Do chiến tranh Việt Nam, Mỹ đã phải chi phí khoản ngân sách khổng lồ gần 1 ngàn tỷ đôla. Hơn nữa, Mỹ còn bị cả nhân loại lên án. Phong trào chống chiến tranh phát triển mạnh mẽ chưa từng có ngay trong lòng nước Mỹ.

Trong bối cảnh đó, Mỹ muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh bằng giải pháp thương lượng với Liên Xô và Trung Quốc, lợi dụng mâu thuẫn giữa hai nước này ép Việt Nam chấp nhận những điều kiện của Mỹ.

Còn đối với Liên Xô, Ban lãnh đạo nước này nhận thấy không thể tiếp tục chính sách hòa hoãn bằng mọi giá. Và như vậy, sẽ làm phương hại đến lợi ích chiến lược của Liên Xô, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và thế lực của Liên Xô trên trường quốc tế. Sau khi Khrúpsốp bị loại bỏ vào cuối năm 1964, Ban lãnh đạo mới của Liên Xô đã trở lại lập trường cách mạng đúng đắn dựa trên nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, Liên Xô đã gương cao ngọn cờ Việt Nam để tập hợp lực lượng, một mặt tăng thế mạnh với Mỹ, để thương lượng với Mỹ những vấn đề quốc tế, mặt khác phá việc Trung Quốc nắm vấn đề Việt Nam phục vụ lợi ích riêng của Trung Quốc. "Chỉ có như vậy, mới có thể thực hiện thế bao vây chiến lược toàn diện đối với Trung Quốc để đảm bảo cho Liên Xô không ở vào thế hết sức bị động sau khi Trung - Mỹ tiến hành hòa giải" (10).

Chính vì vậy, kể từ năm 1965, Liên Xô đã dành cho Việt Nam sự ủng hộ to lớn và toàn diện. Tuy nhiên, Liên Xô vẫn tiếp tục chính sách hòa dịu quốc tế, nhưng không bằng mọi giá như trước.

Mở đầu cho giai đoạn phát triển mới về chất, có tính chất bước ngoặt trong quan hệ Xô - Việt là chuyến thăm chính thức Việt Nam của Đoàn đại biểu Liên Xô do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng A.N.Côxughin dẫn đầu vào tháng 2-1965. Trong chuyến thăm này, ông Côxughin khẳng định rằng: "Từ nay Liên Xô hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của Việt Nam" (11).

Ngày 2-9-1965, lần đầu tiên chính thức về mặt nhà nước, Liên Xô ra bản tuyên bố cảnh cáo Mỹ ném bom lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước đó, tháng 12-1964, Liên Xô chấp nhận đại diện thường trú Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đồng thời sau đó, Liên Xô khẳng định lại vai trò đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, thiết lập và tăng cường quan hệ chính thức với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ủng hộ mạnh mẽ lập trường, quan điểm của Việt Nam ở mỗi thời điểm, mỗi giai đoạn của cuộc kháng chiến, đề cao Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Các Đại hội Đảng XXIII, XXIV, Liên Xô đều dành một phần quan trọng và ra tuyên bố về Việt Nam (12). Nhiều đoàn đại biểu cấp cao Liên Xô sang thăm Việt Nam, như Đoàn đại biểu do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Côxughin dẫn đầu (2-1965) trên đây, do Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao N.V.Pốtgoócnuin dẫn đầu (10-1971), do Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao X.P.Niadơbecốp dẫn đầu (12-1973)...

Bên cạnh đó, vì lợi ích của mình, Liên Xô chấp nhận đề nghị của Mỹ thuyết phục Việt Nam nhanh chóng kết thúc chiến tranh, đi vào đàm phán có lợi cho Mỹ. Đổi lại, Mỹ nhân nhượng Liên Xô những vấn đề kinh tế và quốc tế khác. Vì Mỹ cho rằng “sức ép nặng cân nhất đối với Hà Nội” là Liên Xô. Mỹ coi “Liên Xô là chìa khóa cho vấn đề chấm dứt chiến tranh Việt Nam...” (13). Nhà nghiên cứu Mỹ Bruce W. Jentleson về chính sách đối ngoại của nước Mỹ đã nhận xét: “... Hiệp định ngũ cốc mà Mỹ đã trao cho Liên Xô vào năm 1971 với giá cả rất thấp, một phần là để ép họ đồng ý với Hiệp ước SALT, mà cả trong áp lực mà Liên Xô đã tác động đối với Bắc Việt Nam vào cuối năm 1972 để họ ký kết Hiệp định Pari với mục đích giữ cho thương mại của Mỹ được lưu thông”, “... Một dấu hiệu rõ ràng với Hà Nội rằng, Maxcova đặt những lợi ích của mình lên trên hết” (14).

Sau khi Hiệp định Pari năm 1973 được ký kết, Liên Xô vẫn muốn thuyết phục Việt Nam dừng đẩy mạnh những hoạt động nhằm thống nhất đất nước (15). Thậm chí khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, vì không muốn làm phật lòng Mỹ, Liên Xô đã yêu cầu Việt Nam không công bố công khai trên báo chí lời chúc mừng của Tổng Bí thư Brêgionhép gửi Bí thứ thứ nhất Lê Duẩn. Tuy nhiên, lời chúc mừng này vẫn được đăng trên báo chí Việt Nam, nhưng lại không được công bố trên báo chí Xô Viết (16). Trong khoảng thời gian từ 1964-1973, Liên Xô đã hơn 100 lần truyền đạt chủ trương thương lượng của mình và ý kiến của Mỹ cho Việt Nam thông qua những kênh khác nhau.

Về phần mình, Việt Nam luôn quán triệt đường lối ngoại giao của Đảng và Nhà nước với phương châm “dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời chúng ta hết sức

tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và viện trợ quốc tế vì đó là một nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của nhân dân ta” (17). Đối với Liên Xô, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương tăng cường đoàn kết với Liên Xô, chú trọng phát huy mặt tích cực trong chính sách đối ngoại của Ban lãnh đạo mới, coi trọng lợi ích chiến lược toàn cầu cũng như chính sách hòa dịu Đông - Tây của Liên Xô, tranh thủ đến mức cao nhất sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, đồng thời đảm bảo tính độc lập, tự chủ trong cách tiến hành chiến tranh và giải quyết chiến tranh để tránh bị lôi cuốn vào quỹ đạo Xô - Mỹ, Xô - Trung. Trên tinh thần đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam tăng cường các cuộc gặp gỡ, trao đổi với Đảng và Nhà nước Liên Xô thông qua nhiều hoạt động ngoại giao, như trao đổi các đoàn đại biểu cấp cao, tham dự vào các Đại hội Đảng, dự các lễ kỷ niệm, đẩy mạnh các hoạt động trên trường quốc tế...

Chỉ tính trong vòng 11 năm (1965-1975) giữa Việt Nam và Liên Xô đã có 51 cuộc gặp cấp cao từ Ủy viên Bộ Chính trị trở lên. Các cuộc gặp gỡ này chính là quá trình đàm thoại nhằm đảm bảo cho lợi ích của từng nước và lợi ích chung để giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam vừa không ảnh hưởng xấu đến cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam, vừa không làm phương hại đến chính sách hòa hoãn của Liên Xô.

Trên tinh thần đó, ngay từ đầu năm 1965 Liên Xô đã kịp thời viện trợ khối lượng quân sự lớn cho Việt Nam, trong đó có nhiều loại vũ khí tấn công có uy lực mạnh như: tên lửa “đất đối không”, máy bay phản lực, chiến đấu, súng phòng không... Tính đến năm 1968, hàng viện trợ quân sự của Liên Xô cho Việt Nam đã lên tới 1,1 tỷ rúp (18). Trong các năm 1969 đến

1972, tuy giảm hoạt động trên chiến trường miền Bắc, tuy có sự hòa hoãn giữa các nước lớn Mỹ - Xô - Trung, song viện trợ quân sự của Liên Xô cho Việt Nam vẫn tiếp tục tăng. Tính ra Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam khoảng trên 2 tỷ rúp hàng viện trợ quân sự (19). Sau Hiệp định Pari (27-1-1973), do tác động từ hòa hoãn Xô - Mỹ, nên viện trợ quân sự của Liên Xô cho Việt Nam đã giảm nhiều so với trước. Cùng với viện trợ quân sự, Liên Xô đã đào tạo giúp Việt Nam một đội ngũ cán bộ quân sự tài giỏi có kinh nghiệm vận hành các loại vũ khí hiện đại do Liên Xô cung cấp.

Sự hợp tác quân sự đã góp phần quan trọng đưa cách mạng Việt Nam nhanh chóng thành công. Nếu không có sự hợp tác này, chắc cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam khó tránh khỏi những khó khăn và có thể còn kéo dài hơn nữa. Còn đối với Liên Xô, đây là cơ hội thử nghiệm trên chiến trường những loại vũ khí tiên tiến nhất, đồng thời để Liên Xô thu thập thông tin vũ khí mới nhất của Mỹ thông qua việc nghiên cứu chiến lợi phẩm. Từ đó, Liên Xô tìm cách điều chỉnh cho phù hợp với vũ khí của Mỹ (20).

Kể từ năm 1965, bình quân hàng năm, Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam hàng trăm triệu rúp bao gồm các thiết bị máy móc, sản phẩm dầu lửa, sắt thép... để Việt Nam khôi phục và phát triển kinh tế trong chiến tranh. Tháng 7-1973, Liên Xô quyết định tất cả các khoản tín dụng cho Việt Nam vay nhằm phát triển kinh tế là viện trợ không hoàn lại. Cho đến năm 1975, sự hỗ trợ kinh tế-kỹ thuật cùng với đội ngũ đông đảo các chuyên gia, Việt Nam đã khôi phục và xây dựng gần 100 cơ sở kinh tế trong đó gồm các công xưởng, nhà máy, hải cảng và những cơ sở công nghiệp khác.

Từ giữa những năm 60, hàng năm Liên Xô đào tạo cho Việt Nam trên dưới 1.000 tiến sĩ, phó tiến sĩ, cử nhân, thực tập sinh, công nhân kỹ thuật có tay nghề. Chỉ tính đến năm 1972, đã có 4.000 sinh viên Việt Nam tốt nghiệp Đại học ở Liên Xô và hiện có hơn 7.000 sinh viên, thực tập sinh đang theo học tại các trường Đại học và thực tập ở các nhà máy, công xưởng... Cũng trong năm 1972, số công nhân Việt Nam học nghề ở Liên Xô đã lên đến hàng nghìn người (21).

Có thể nói, đây là giai đoạn, sự hợp tác giữa hai nước đem lại hiệu quả lớn nhất.

Nhìn tổng thể cả thời kỳ 1945-1975, ta thấy quan hệ Xô - Việt phát triển theo bốn giai đoạn nhỏ (1945-1950), (1950-1954), (1955-1964) và (1965-1975) dựa trên lợi ích riêng của mỗi bên trong sự kết hợp với lợi ích chung, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại lúc đó.

Quan hệ Xô - Việt thời kỳ này đã góp phần đáng kể vào sự thành công của cách mạng Việt Nam, nhất là giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ 1965 đến 1975.

Quan hệ Xô - Việt thời kỳ này cũng đồng thời góp phần quan trọng vào sự lớn mạnh của Liên Xô. Từ chỗ không có vị trí ở Đông Nam Á, châu Á, Liên Xô đã dần xác lập và củng cố địa vị của mình ở khu vực này và trở thành đối trọng với Mỹ. Do Mỹ bị sa lầy ở Việt Nam, Liên Xô củng cố tiềm lực của mình trên nhiều lĩnh vực. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đuổi kịp Mỹ về vũ khí tiến công chiến lược. Trong khi Mỹ và các nước tư bản lâm vào khủng hoảng kinh tế từ năm 1973, kinh tế của Liên Xô vẫn ổn định và tăng trưởng. Việc Liên Xô hòa hoãn với Mỹ cũng không bị phương hại đến quyền lợi của mình. Hơn thế, Liên Xô còn giành vị trí vững chắc hơn trên trường quốc tế và tăng cường hơn khả

năng hòa giải với phương Tây. Chiến tranh với quy mô toàn cầu đã không xảy ra. Phong trào đấu tranh vì độc lập dân chủ và tiến bộ xã hội phát triển hơn bao giờ hết. Có thể nói, vai trò và vị trí của Liên Xô trên trường quốc tế chưa bao giờ được nâng cao

như thời kỳ này, nhất là giai đoạn của những năm 60 và 70.

Qua đó có thể nói, Việt Nam đã giữ vai trò nhất định đối với sự lớn mạnh của Liên Xô thời kỳ 1945-1975, nhất là giai đoạn 1965-1975

CHÚ THÍCH

(1). I. V. Bukhăckin: *Kpemi và Hồ Chí Minh 1945-1969*. Tạp chí *Cận đại và Hiện đại*, số 3-1998, tr. 126, 127 (Tiếng Nga).

(2). Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Tỉnh ủy - Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên: *50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và sự nghiệp đổi mới phát triển đất nước*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 191.

(3). Theo Hồng Hạnh, Hải Hà: *Tìm hiểu sự giúp đỡ của Liên Xô trong hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1945-1975)*. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 4-2000, tr. 19.

(4). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III Phòng Phủ thủ tướng, Hồ sơ số 2.

(5). Archimedes L. A. Patti: *Tại sao Việt Nam*. Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr. 449.

(6). I. Lya, V. Gaiduck: *Liên bang Xô viết và chiến tranh Việt Nam*. Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 33.

(7). Xem M.P.Ixaép, A.X.Trécnuép: *Quan hệ Xô - Việt*. Nxb "Tư tưởng" Maxcôva, 1975, tr. 183.

(8). *Việt Nam - Liên Xô: 30 năm quan hệ (1950-1980)*. Tài liệu và văn kiện. Nxb Ngoại giao, Hà Nội. Nxb Tiến bộ, Maxcôva, 1980, tr. 18; 57; 58.

(9). Tài liệu Bộ Ngoại giao.

(10). Lý Đan Tuệ: *Xung đột và mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô trong vấn đề viện trợ Việt Nam chống Mỹ*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Trung Quốc đương đại, số 3-2000 (tr. 1. Tài liệu do Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm dịch lưu tại Viện Sử học).

(11). *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 201.

(12). *Lịch sử chính sách đối ngoại của Liên Xô (1945-1970)*. Nxb. Khoa học, Maxcôva, 1971, tr. 92 (Tiếng Nga).

(13). Dẫn theo Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Pari về Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004, tr. 67.

(14). Bruce W.Jentlson: *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ - động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2004, tr. 191.

(15). Boris Nicôlaivich Saplin - Nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam. *Việt Nam: Tháng Tư năm 1975*, trong Tạp chí *Những vấn đề lịch sử*, số 4 - 5/2000, tr. 84 (Tiếng Nga).

(16). Boris Nicôlaivich Saplin - Nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Việt Nam. *Việt Nam: Tháng Tư năm 1975*. Tlđđ, tr. 96, 97.

(17). *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước*, tập II (1965-1970). Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 23.

(18). Sđđ. Iliya. Gaiduc: *Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam*, tr. 126.

(19). Sđđ. Tài liệu Bộ Ngoại giao.

(20). Sđđ. Ilya V. Gaisuk: *Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam*, tr. 131.

(21). Sđđ. M. P. Ixaép, A. Trécnuép: *Quan hệ Xô - Việt*. Nxb "Tư tưởng", Maxcôva, 1975, tr. 221, 257, 258 (Tiếng Nga).